TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-12-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hằng.

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2020; Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa ngày 22/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; địa chỉ: Tổ dân phố Hạ Đoạn 4, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Xuân Đ; địa chỉ: Tổ dân phố H4, phường Đ 2, quận H, thành phố H; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 8 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đặng Xuân Đ trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 1997 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh H. Hiện vợ chồng sinh sống tại tổ dân phố H 4, phường Đ 2, quận H, thành phố H. Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn đã

được hai bên gia đình khuyên giải xong không có kết quả. Mặc dù sống cùng nhà nhưng gần một năm nay cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Xuân Đ.

Về con chung: Chị xác nhận có hai con là Đặng Thu T, sinh ngày 24/11/2005 và Đặng Tiến D, sinh ngày 10/7/2010. Trường hợp ly hôn, do điều kiện thu nhập kinh tế của anh Đ không đủ điều kiện nuôi con nên chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh Đ tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đặng Xuân Đ (bị đơn) trình bày:

Anh công nhận lời khai của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn, hình thức kết hôn. Trong quá trình chung sống anh không đồng ý với ý kiến của chị T. Anh trình bày, anh xác nhận vợ chồng có bất đồng quan điểm sống nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, do cả hai không có nói chuyện nên lâu dần tình cảm rạn nứt. Đồng thời anh xác nhận việc vợ chồng đã được khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ vợ chồng gần 1 năm nay. Tuy nhiên anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh muốn vợ chồng đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận có hai con là Đặng Thu T, sinh ngày 24/11/2005 và Đặng Tiến D, sinh ngày 10/7/2010. Trường hợp ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi hai con. Việc cấp dưỡng nuôi con anh, chị tự thỏa thuận. Anh biết thu nhập không đủ nuôi hai con nhưng anh sẽ có cách để đảm bảo cuộc sống cho các con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Xuân Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Đặng Xuân Đ. Về con chung: Căn cứ điều kiện, hoàn cảnh của chị T, anh Đ, mặc dù hai cháu Trang và Dũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn nhưng chị T, anh Đ đều có công việc và thu nhập. Áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị T được trực tiếp nuôi con Đặng Thu T, giao cho anh Đặng Xuân Đ trực tiếp nuôi con Đặng Tiến D. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi: Chị T, anh Đ không yêu cầu nên kiểm sát

viên không đề nghị; Về tài sản chung: Chị T, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên kiểm sát viên không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đặng Xuân Đ vẫn đang sinh sống, cư trú tại Tổ dân phố H 4, phường Đ 2, quận H, thành phố H. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Xuân Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh H. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án trên cơ sở ý kiến của tổ dân phố xác nhận vợ chồng chị T và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong sinh hoạt, lối sống, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020, không còn quan T đến cuộc sống của nhau. Tại phiên tòa, anh Đ cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chính vì vậy, việc anh không đồng ý ly hôn chỉ kéo dài sự ràng buộc không cần thiết. Thực tế, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử, xét xử cho chị T được ly hôn anh Đ theo khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T, anh Đ xác nhận có hai con là Đặng Thu T, sinh ngày 24/11/2005 và Đặng Tiến D, sinh ngày 10/7/2010. Tại phiên tòa, chị T, anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con.

Xét: Khi giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt quyền lợi của các con chưa thành niên. Chị T, anh Đ đều có công việc và thu nhập. Cháu T là con gái đang tuổi phát triển T sinh lý nên ở với mẹ sẽ phù hợp hơn là ở với bố. Tuy nguyện vọng của hai cháu T và D đều muốn được ở với mẹ nhưng để đảm bảo quyền lợi và điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung trưởng thành cần giao con Đặng Thu T cho chị T nuôi dưỡng và giao con Đặng Tiến D cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng để các con có điều kiện phát triển tốt nhất về vật chất cũng như tinh thần cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con, chị T, anh Đ tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T, anh Đ không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 3; điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Xuân Đ.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Đặng Thu Trang, sinh ngày 24/11/2005; giao cho anh Đặng Xuân Đ trực tiếp nuôi con Đặng Tiến Dũng, sinh ngày 10/7/2010 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu: AA/2016 số 0017930 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiếu Nguyễn Minh Hằng **Nguyễn Ngọc Cường**

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Hiếu Nguyễn Minh Hằng	**Nguyễn Ngọc Cường**

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Dương Thị Hồng Vân Nguyễn Minh Hằng	**Nguyễn Ngọc Cường**

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Minh Hằng	**Nguyễn Ngọc Cường**

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 1;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Hiếu Nguyễn Minh Hằng	**Nguyễn Ngọc Cường**